TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2020/HS-ST
Ngày: 23/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoa Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Trung Thành – Bí thư Đoàn Thanh niên xã Ngọc Tụ, huyện Đ, tỉnh Kon TumonTum;

2. Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Bí thư Đoàn Thanh niên xã Tân Cảnh , huyện Đ, tỉnh Kon TumonTum.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2020/TLST-HS ngày 02/12/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐXXST-HS ngày 08/12/2020 đối với các bị cáo:

01. A T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1978, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 0/12; Dân tộc: Xơ Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đ và bà Y N (đều đã chết); Vợ là Y V; Bị cáo có 10 người con, con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/9/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

02. A TH , tên gọi khác: Không, sinh năm 1966, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đ và bà Y N (đều đã chết); Vợ là Y Đ; Bị cáo có 06 người

con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú tại từ ngày 02/10/2020 tại xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum (có mặt).

03. A R, tên gọi khác: Không, sinh năm 1993, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A W và bà Y G; Vợ là Y S; Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

04. A C, tên gọi khác: Không, sinh năm 1999, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Giẻ Triêng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Y N và bà Y M; Vợ là Y Q; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

05. A D, tên gọi khác: Không, sinh năm 1991, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Là Đảng viên (dự bị) chi bộ ĐB. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Đ và bà Y H; Vợ là Y T; Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

06. A T, tên gọi khác: Không, sinh năm 2000, tại K; trú tại: Thôn LD, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Dn và bà Y Dm; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến nay, tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ (có mặt).

07. A B, tên gọi khác: Không, sinh năm 2003, tại K; trú tại: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Xê Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A Th và bà Y Đ; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2020 đến 16/10/2020 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Ngày 16/10/2020 thay đổi biện pháp ngăn chặn thành A B lĩnh (có mặt).

Đại diện theo pháp luật cho bị cáo chưa thành niên: Y Đ - mẹ ruột của bị cáo A B, địa chỉ: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum (có mặt).

Bào chữa cho 07 bị cáo có bà Đặng Thị Kim N – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kon Tum (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Đ

Địa chỉ: Đường Hùng Vương, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện hợp pháp:Ông Mai Xuân S, chức vụ: Giám đốc Lâm trường Đ, thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ (Văn bản ủy quyền số 10 GUQ/Cty ngày 5-3-2020 của Giám đốc Công ty) (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. A Đ, sinh năm 1955; (có mặt)

2. Y Th, sinh năm 1994; (có mặt)

3. Y Q, sinh năm 2001; (vắng mặt)

4. Y S, sinh năm 1995; (có mặt)

5. Y T, sinh năm 1997, (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Người làm chứng:

1. Mai Xuân S - Giám đốc lâm trường Đ (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự) (có mặt).

2. Nguyễn Ngọc K - Bộ phận TT - PC Hạt Kiểm lâm huyện Đ (có mặt).

3. Bùi Thanh B - Kiểm lâm địa bàn xã ĐR, hạt kiểm lâm huyện Đ (có mặt).

4. Trương Minh Thanh - Nhân viên Lâm trường Đ thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ (có mặt).

5. A Giên - Dân quân xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (có mặt).

6. A H Nép - Dân quân xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (có mặt).

7. A Nhật, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn ĐB, xã ĐA, huyện N, tỉnh Kon Tum (có mặt).

8. Hồ Đình Tuấn, sinh năm 1979, địa chỉ: Khối 8, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quá trình đi vào rừng A T phát hiện một cây sao cát lớn tại lô 2 khoảnh 6 tiểu khu 276 lâm phần do Lâm trường Đ quản lý, thuộc địa phận xã ĐR, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Khoảng cuối tháng 7/2020, thấy các cháu trong gia đình là A R, A D không có việc làm nên A T gọi đến nhà mình và rủ vào rừng khai thác gỗ đem về bán kiếm tiền. A R và A D đồng ý. Do bị đau chân nên A T không đi mà chỉ đường đi đến vị trí cây sao cát và cung cấp cho A R, A D một máy cưa xăng. Theo chỉ dẫn của A T, A R và A D tìm được cây sao cát, dùng máy cưa cưa quanh gốc cây nhưng cây chưa đổ thì máy cưa hỏng nên A R, A D đi về kể lại với A T. Khoảng 2, 3 ngày sau A Th (là anh ruột A T) đến nhà A T chơi. A T kể lại sự việc và nhờ A Th đi cùng nhóm A R vào rừng giúp cưa đổ cây sao cát và A Th đồng ý. Đầu tháng 8/2020 A T gọi A R, A D, A C , A B đến nhà A T và A B vào rừng tiếp tục hạ cây sao cát. Hôm đó A R, A C , A B, A Th vào rừng. A D có việc gia đình nên không tham gia. Đến nơi thấy cây sao cát đã đổ ngã nằm dưới mặt đất, A Th dùng máy cưa cưa phần ngọn cây sao cát nhưng đang cưa thì máy cưa hỏng nên cả nhóm đi về.

Vài ngày sau A Th rủ A T đi vào rừng làm gỗ và A T đồng ý. A Th bàn với A T A Th sẽ cho A T mượn xe mô tô độ chế của mình để vào rừng khai thác gỗ, số tiền A T kiếm được sẽ chia cho A Th một nửa và A T đồng ý. A Th về nói lại với A T khi nào nhóm A C vào rừng khai thác gỗ thì cho một người ở làng LD (là A T) đi cùng và A T đồng ý.

Sáng ngày 16/8/2020 A T tập trung A C, A B, A D, A R đến nhà mình bàn bạc việc vào rừng khai thác gỗ và dặn A C cho một người ở làng LD đi cùng. A T chuẩn bị hai máy cưa xăng, chuẩn bị lương thực, thực phẩm và dụng cụ nấu nướng cho cả nhóm vào rừng khai thác gỗ. A Th lấy xe mô tô độ chế của mình, đổ xăng và giao xe cho A T. Cả nhóm sử dụng xe mô tô độ chế, mang theo hai máy cưa xăng và vật dụng đi đến khu vực cây sao cát. Đến đầu giờ chiều cùng ngày thì đến nơi, tiến hành cưa cây sao cát thành lóng. Để tạo khoảng trống cho việc khai thác cây Sao cát, A C cắt một cây Chò xót cạnh đó, những người còn lại không ý kiến gì. Về phía A R, do xe bị hư nên A R đi sau và khoảng 16 giờ cùng ngày thì đến nơi, cùng khai thác với các đối tượng còn lại. A C và A R là người trực tiếp cầm cưa cắt cây thành lóng và xẻ hộp. A B và A T làm Công việc phụ giúp như: phát quang, dọn dẹp khu vực xung quanh cây Sao cát, lật gỗ, búng mực, đặt thước đo,… A D phụ trách nấu cơm cho cả nhóm và tham gia các Côngviệc phụ giúp cùng với A B, A T. Khoảng 15 giờ ngày 17/8/2020 cả nhóm bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang khi đang khai thác.

Kết luận giám định tư pháp ngày 07/9/2020 của Chi cục Kiểm lâm Tỉnh Kon Tum xác định mẫu gỗ trong vụ án là gỗ Sao cát (nhóm III) và gỗ Chò xót (nhóm VI). Tổng số gỗ khai thác là 24,009 m3 (đã quy tròn và trừ khuyết tật), gỗ thông thường không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm. Vị trí khai thác là rừng tự nhiên, chức năng sản xuất. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận trị giá của 24,009 m3 gỗ trên là 93.749.750 đồng (Chín mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng), và không xác định được giá trị thiệt hại về môi trường rừng.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 27/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo về tội "Vi phạm quy định về khai thác, A B vệ rừng và lâm sản", theo điểm b, m khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm 0 khoản 1 Điều 52, điều 38. Điểm b, m khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự: Đề nghị hình phạt tù có thời hạn Xử phạt A T từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điều 38. Điểm b, m khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự: Đề nghị hình phạt tù có thời hạn

+ A C: Từ 03 năm đến 04 năm.

+ A Th , A R, A T, A D: Từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm 06 tháng.

Áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51, điều 38, Điều 90, Điều 91, Điều 101, Điểm b, m khoản 2 Điều 232 Bộ luật hình sự: Đề nghị xử phạt A B từ 18 tháng đến 22 tháng tù .

Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- 05 *(Năm)* xe mô tô độ chế (xe sắt) mà năm bị cáo (A C, A T, A B, A D, A R) sử dụng để đi khai thác gỗ: Không xác định được chủ sở hữu, không đủ điều kiện lưu hành; 02 (hai) máy cưa nhãn hiệu STIHL MS382 : Đề nghị tịch thu sung quỹ.

- 01*(một)* điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu REALME 6, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel với số thuê bao 0375325486 của A B, 01 *(một)* điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia 130, Model: TA – 1017, bên trong có 01 sim Viettel 4G với số thuê bao : 0374980144 của A C: Phương tiện phạm tội, đề nghị tịch thu sung quỹ.

- 02 *(Hai)* ba lô màu rằn ri (A C, A R); 04 *(bốn)* cùm gỗ; 01 *(một)* can nhựa màu trắng, loại 30 lít; 01 *(một)* can nhựa đựng xăng pha nhớt loại 12 lít; 01 *(một)* chiếc nồi có nắp, bằng kim loại: Vật dụng sử sụng vào việc khai thác gỗ, không có giá trị sử dụng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) các bị cáo khắc phục hậu quả, hiện đang nộp trong tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án huyện Đ tại Kho bạc Đ: Đại diện Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ không yêu cầu bồi thường, đề nghị tuyên trả lại cho các bị cáo và gia đình.

- 24,009m^3 gỗ Sao cát và Chò xót (gồm 11 hộp, 06 lóng) là số gỗ các bị cáo khai thác đang để tại hiện trường tại khoảnh 6 tiểu khu 276, đang giao cho Công ty Lâm nghiệp Đ bảo quản: Đề nghị tịch thu, sung quỹ.

Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo do ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa cho 07 bị cáo:

Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, A T là người không biết chữ, là lao động chính, hầu hết các bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, dễ bị kẻ xấu lợi dụng, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt.

Vì vậy, người bào chữa chỉ đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, xử phạt A T, A C, A D, A R, A T, A Th mức thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị, Riêng A B thì đề nghị xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo vì A B dưới 18 tuổi.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa đã xác định được:

Khoảng cuối tháng 7/2020, A T và rủ A R và A D vào rừng khai thác gỗ đem về bán kiếm tiền. A T không đi mà chỉ đường đi đến vị trí cây sao cát và cung cấp cho A R, A D một máy cưa xăng. A R và A D tìm được cây sao cát, dùng máy cưa cưa quanh gốc cây nhưng cây chưa đổ thì máy cưa hỏng nên A R, A D đi về kể lại với A T.

Đầu tháng 8/2020 A T gọi A R, A D, A C, A B và nhờ A Th đi cùng nhóm A R vào rừng giúp cưa đổ cây sao cát. A R, A C , A B, A Th vào rừng, thấy cây sao cát đã đổ ngã nằm dưới mặt đất, A Th dùng máy cưa cưa phần ngọn cây sao cát nhưng đang cưa thì máy cưa hỏng nên cả nhóm đi về.

Vài ngày sau A Th rủ A T đi vào rừng làm gỗ và cho A T mượn xe mô tô độ chế của mình để vào rừng khai thác gỗ, số tiền A T kiếm được sẽ chia cho A Th một nửa và A T đồng ý. A Th về nói lại với A T cho A T đi khai thác gỗ cùng và A T đồng ý.

Sáng ngày 16/8/2020 A T tập trung A C, A B, A D, A R đến nhà mình bàn bạc việc vào rừng khai thác gỗ và dặn A C cho A T đi cùng. A T chuẩn bị hai máy cưa xăng, chuẩn bị lương thực, thực phẩm và dụng cụ nấu nướng cho cả nhóm vào rừng khai thác gỗ.

Nhóm A C, A B, A D, A R, A T đã vào rừng, mỗi người một vai trò và tiến hành cưa cây sao cát thành lóng, cắt cây Chò Xót để tạo khoảng trống.

Khoảng 15 giờ ngày 17/8/2020 cả nhóm bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang khi đang khai thác.

Kết luận giám định gỗ trong vụ án là gỗ Sao cát (nhóm III) và gỗ Chò xót (nhóm VI). Tổng số gỗ khai thác là 24,009 m3 (đã quy tròn và trừ khuyết tật), gỗ thông thường không thuộc loài nguy cấp, quý hiếm; trị giá gỗ là 93.749.750 đồng (Chín mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Vị trí khai thác là rừng tự nhiên, chức năng sản xuất và không xác định được giá trị thiệt hại về môi trường rừng.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Kon Tum truy tố các bị cáo về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*" theo điểm b, m khoản 2 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Trong vụ án này, hành vi phạm tội của các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ, bàn bạc, phân công vai trò cho từng người trong việc chuẩn bị vật dụng, phương tiện phục vụ cho việc khai thác gỗ; có sự phân công công việc phù hợp với khả năng của từng bị cáo trong quá trình thực hiện hành vi khai thác gỗ, có phân công A C với vai trò của người làm trưởng nhóm khai thác gỗ, có sự trao đổi, bàn bạc với nhau sẽ không khai báo về vai trò của A T là người đã tổ chức, chỉ đường, rủ rê đi khai thác gỗ trong vụ án mà khai báo gian dối rằng A C là người kêu gọi đi làm và làm thuê cho người tên "Nam Thiện"..

Vì vậy, tất cả các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp "Phạm tội có tổ chức",

là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm m khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến chế độ quản lý rừng của nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý nhà nước về khai thác gỗ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt mức án nghiêm minh để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho xã hội. Đồng thời, răn đe, phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ rừng hiện nay. Cần phân tích vị trí, vai trò của từng bị cáo để xác định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, cụ thể như sau:

- A T có vai trò chủ mưu, cầm đầu, là người tổ chức, chỉ đường và cung cấp công cụ, thực phẩm phục vụ cho việc khai thác cây Sao cát. Cụ thể, A T cung cấp cưa xăng cho A D và A R , Sau khi A D và A R về báo không cưa hạ được cây vì cưa hỏng và trời mưa thì vài ngày sau, A T tiếp tục tập hợp, bàn bạc với A C, A B và A R vào rừng cưa hạ cây Sao cát, đồng thời A T nhờ A Th cùng đi với nhóm A C để vào rừng cưa hạ cây. Sau khi cây Sao cát đã được cưa hạ thì đến ngày 16/8/2020, A T tiếp tục tập hợp A C, A D, A B, A R đến nhà của mình và bàn bạc đi lên rừng khai thác cây Sao cát. A T là người cung cấp hai cái máy cưa, trực tiếp chuẩn bị lương thực, thực phẩm và dụng cụ nấu nướng phục vụ cả nhóm vào rừng khai thác gỗ. Vì vậy A T chịu mức án cao nhất

- A Th là người người giúp sức, tạo điều kiện tinh thần và vật chất, rủ rê, lôi kéo A T tham gia khai thác gỗ trái phép. A Th đã tiến hành cưa xẻ phần ngọn của cây Sao cát. Vì cưa hỏng và trời đổ mưa nên A Th mới cưa được hai đường (chưa đứt thành lóng) của cây Sao cát và ra về. Bên cạnh đó, A Th bàn bạc và rủ rê A T tham gia đi khai thác gỗ, tiền công của A T làm được sẽ phải chia một nửa cho A Th . Sau khi thống nhất với A T, A Th đến nhà xin A T cho A T tham gia, đưa xe mô tô độ chế của mình và đổ xăng cho A T mượn vào rừng khai thác gỗ. Vì vậy A Th phải chịu mức hình phạt nặng hơn các bị cáo A R và A C.

- Các bị cáo A C, A B, A D, A R, A T là những người trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép. Mặc dù mỗi người làm một công việc cụ thể khác nhau nhưng cùng chung một mục đích là khai thác cây Sao cát về bán kiếm tiền.

A C và A R là người trực tiếp cầm cưa cắt xẻ thành lóng và xẻ hộp.

A R vào rừng 03 lần để khai thác, trực tiếp cưa hạ cây sao cát, A C vào rừng 02 lần để khai thác, trực tiếp cắt hạ cây Chò xót nên mức án của A R sẽ cao hơn A C.

A B và A T, A D làm các công việc phụ giúp như: phát quang, dọn dẹp khu vực xung quanh cây Sao cát, lật gỗ, búng mực, đặt thước đo độ dài lóng, nấu cơm… nên vai trò ngang nhau. A B dưới 18 tuổi nên mức án nhẹ hơn bị cáo A T và A D.

[5] **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:**

[5.1]. *Tình tiết tăng nặng định khung:*

+ A T là người chủ mưu, cầm đầu, rủ rê lôi kéo A C; A T; A B; A D; A R thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép; A Th là người tham gia khai thác và rủ rê, lôi kéo A T đi khai thác gỗ trái phép; các bị can A C; A T; A B; A D; A R là người trực tiếp thực hiện hành vi khai thác gỗ trái phép trong vụ án. Các bị cáo có sự câu kết, phân công bàn bạc cụ thể nhiệm vụ, chuẩn bị phương tiện, công cụ, lương thực để phạm tội. Do đó, các bị cáo có tình tiết tăng nặng định khung: "Phạm tội có tổ chức".

[5.1]. *Tình tiết tăng nặng:*

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Riêng với A T: là người rủ rê, xúi giục bị can A B tham gia thực hiện hành vi phạm tội khi A B chưa đủ 18 tuổi. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm o, khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự.

[6]. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Sau khi phạm tội các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Các bị cáo A C, A D, A R, A B, quá trình điều tra đã tự thú khai báo thêm về hành vi phạm tội khai thác 08 cây Dổi, 08 cây Xoan Đào ở huyện N. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã lập hiện trường, chụp bản ảnh và chuyển Cơ quan CSĐT điều tra Công an huyện N xử lý nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Gia đình A Th , A B, A T khắc phục 1.000.000 đồng; gia đình A T 5.000.000 đồng; gia đình A C, A R, A D mỗi nhà 2.000.000 đồng; tổng cộng số tiền khắc phục hậu quả của bảy bị cáo là 12.000.000 đồng *(mười hai triệu đồng)* nhưng do không xác định được giá trị thiệt hại về môi trường rừng, chưa chứng minh được thiệt hại xảy ra; khối lượng gỗ khai thác vẫn còn đầy đủ, nên các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Trả lại tiền khắc phục hậu quả cho các bị cáo và gia đình.

A C có ông bà nội, ông bà cố ngoại được tặng Huân chương kháng chiến; A T, A Th có bác ruột được tặng Huân chương kháng chiến; A B có ông họ được tặng Huân chương kháng chiến nhưng không đáp ứng được các quy định về tình tiết giảm nhẹ nên không được hưởng.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo nghề nghiệp chính là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

Đối với các thiệt hại khác do hành vi khai thác gỗ của các bị cáo gây ra, nguyên đơn dân sự chưa có điều kiện chứng minh và không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án hình sự nên áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự tách vấn đề dân sự ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự, nếu có yêu cầu.

[9]. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

- 24,009m^3 gỗ Sao cát và Chò xót (gồm 11 hộp, 06 lóng) là số gỗ các bị can khai thác đang để tại hiện trường tại khoảnh 6 tiểu khu 276, giao cho Công ty Lâm nghiệp Đ bảo quản.

- 05 *(Năm)* xe mô tô độ chế (xe sắt) mà năm bị can (A C, A T, A B, A D, A R) sử dụng để đi khai thác gỗ.

- 02 (hai) máy cưa màu cam nhãn hiệu STIHL MS382.

- 01*(một)* điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu REALME 6, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel với số thuê bao: 0375325486 ;

- 01 *(một)* điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia 130, Model: TA – 1017, bên trong có 01 sim Viettel 4G với số thuê bao: 0374980144.

Tịch thu tiêu hủy :

02 *(hai)* ba lô màu rằn ri ; 04 *(bốn)* cùm gỗ; 01 *(một)* can nhựa màu trắng, loại 30 lít; 01 *(một)* can nhựa đựng xăng pha nhớt loại 12 lít; 01 *(một)* chiếc nồi có nắp, bằng kim loại;

[10] Về án phí: Các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng các bị cáo là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quyết định số 1010/QĐ-TTG ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ nên thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Về các vấn đề khác của vụ án:

A Dn là bố ruột của A T, trong quá trình A Th đến nhà bàn bạc và rủ rê A T tham gia khai thác gỗ A Dn có mặt tại đó. Tuy nhiên khi đó A Dn đã uống rượu say, không hề nghe và biết những gì mà A Th và A T bàn bạc với nhau. Đến sáng ngày 16/8/2020, A Th gọi điện thoại cho A Dn và yêu cầu gặp A T chứ không nói gì về việc gọi đi khai thác gỗ. Vì vậy Cơ quan điều tra xác định A Dn không có hành vi là đồng phạm giúp sức việc A T tham gia đi khai thác gỗ trái phép là có căn cứ.

A Đ, là bố vợ của A C, đã cho A C mượn tiền nhưng không biết mục đích A C dùng để làm gì và đã mua những gì. A C sử dụng số tiền trên để mua xăng, nhớt, dũa, bạt ,buri phục vụ việc vào rừng khai thác gỗ trái phép vào ngày 16/8/2020. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự A Đ là có căn cứ.

A Nhật, là người bán tạp hóa đã cho nhóm A C mua nợ thức ăn vào ngày 16/8/2020, không biết việc A T gọi mua nợ thức ăn và nhóm A C đến lấy với mục đích đi khai thác gỗ trái phép, cũng không có hứa hẹn thỏa thuận chia lợi nhuận gì từ việc khai thác gỗ nên Cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

Đối với những cán bộ thuộc Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đ: Các nhân viên của Đội khai thác bảo vệ rừng ĐR được giao quản lý tiểu khu 276 gồm các ông Lê Xuân A và Nguyễn Thanh C, khai báo có tổ chức tuần tra nhưng vì lực lượng của Đội khai thác, A B vệ rừng ĐR hiện tại ít người nên không thể tiến hành tuần tra ở trên rừng thường xuyên ở một khu vực nhất định nên không phát hiện được khi cây Sao cát bị cưa hạ . Tuy nhiên, sau khi phát hiện cây bị cưa hạ đã tổ chức tuần tra , phục bắt đối tượng vi phạm ; giá trị thiệt hại của hai cây gỗ nói trên là : 93.749.750đ (chín mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Do đó, Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với những cán bộ thuộc Công ty Lâm nghiệp Đ về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo Điều 360 Bộ luật Hình sự và có văn bản đề nghị Công ty Lâm nghiệp Đ xử lý các cán bộ nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo **A T, A Th , A R, A C, A D, A B, A T** phạm tội "*Vi*

phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản".

- Căn cứ quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51 điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.** Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17 tháng 9 năm 2020.

- Căn cứ quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1 Điều 51 , của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A Th 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232; điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A R 03 (ba) năm** tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2020

Xử phạt bị cáo **A C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2020

Xử phạt bị cáo **A D 02 (hai) năm tù**.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2020.

- Căn cứ quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232; điểm s khoản 1Điều 51của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A T 02 (hai) năm tù**.Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18 tháng 8 năm 2020

- Căn cứ quy định tại điểm b, m khoản 2 Điều 232; điểm s, r khoản 1 Điều 51, Điều 90, Điều 91, Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **A B 18 (mười tám) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 18 tháng 8 năm 2020 đến ngày 16 tháng 10 năm 2020.

3. Về vật chứng: Căn cứ 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 05 (năm) lóng, chủng loại Sao Cát , đánh ký hiệu lần lượt là LN/L01, LN/L02, LN/L03, LN/L04, LN/L05 và 01 lóng chủng loại Chò Xót đánh ký hiệu LN/L06, tổng khối lượng là 17,35 m^3.

- 11 (mười một) hộp gỗ xẻ, chủng loại Sao Cát, đánh ký hiệu lần lượt từ LN/H01 đến LN/H11, tổng khối lượng 4,162m^3

(Theo 02 Bảng kê lâm sản của Hạt Kiểm lâm Đ ngày 18/8/2020 tại hiện trường lô 2 khoảnh 6 tiểu khu 276 thuộc địa giới hành chính xã ĐR, huyện Đ, hiện đang giao cho Lâm trường Đ quản lý).

- 05 *(Năm)* xe mô tô độ chế (xe sắt) mà năm bị cáo (A C, A T, A B, A D, A R) sử dụng để đi khai thác gỗ.

- 02 (hai) máy cưa màu cam nhãn hiệu STIHL MS 382 trên máy có dãy số 367993878 và 367702276.

- 01*(một)* điện thoại di động màu trắng nhãn hiệu REALME 6, bên trong có 01 sim điện thoại Viettel với số thuê bao : 0375325486; 01 *(một)* điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Nokia 130, Model: TA – 1017, bên trong có 01 sim Viettel 4G với số thuê bao: 0374980144.

3.2 .Tịch thu tiêu hủy :

- 02 *(hai)* ba lô màu rằn ri ; 04 *(bốn)* cùm gỗ; 01 *(một)* can nhựa màu trắng , loại 30 lít; 01 *(một)* can nhựa đựng xăng pha nhớt loại 12 lít; 01 *(một)* chiếc nồi có nắp, bằng kim loại trên nắp có số 52;

(*Theo như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum*).

Trả lại tiền khắc phục hậu quả cho các bị cáo và gia đình. Cụ thể: Trả lại A Th 1.000.000 đồng *(A Th nộp cho A Th và A B 500.000, nộp cho A T 500.000)*; Y Th (con A T) 5.000.000 đồng; Y Q (vợ của A C), Y S (vợ của A R), Y T (vợ của A D) mỗi người 2.000.000 đồng; tổng cộng 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng) theo Ủy nhiệm chi ngày 09/12/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kon Tum

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo **A T, A Th , A R, A C, A D, A T và A B.**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người đại diện theo pháp luật cho bị cáo chưa thành niên, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền

kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT (PC01) Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Đ;
- Bộ phận HSNV Công an huyện Đ;
- Hồ sơ thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Bản án; hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoa Như